Thượng tướng, PGS.TS. NGUYỄN VĂN THÀNH
GS. FREDMUND MALIK - TS. NAM NGUYỄN

QUY HOẠCH KHÔNG GIAN BIỂN

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN XANH, BỀN VỮNG (Mô hình bờ Tây Vịnh Bắc Bộ)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

QUY HOẠCH KHÔNG GIAN BIỂN

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN XANH, BỀN VỮNG
(Mô hình bờ Tây Vịnh Bắc Bộ)

Thượng tướng, PGS.TS. NGUYỄN VĂN THÀNH
GS. FREDMUND MALIK - TS. NAM NGUYỄN

QUY HOẠCH KHÔNG GIAN BIỂN

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN XANH, BỀN VỮNG (Mô hình bờ Tây Vịnh Bắc Bộ)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Hà Nội - 2022

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Biển và đại dương là cội nguồn của sự sống trên Trái đất. Trong bối cảnh loài người đang phải đối mặt và nỗ lực ứng phó với những tác động khôn lường của biến đổi khí hậu, thì biển và đại dương một lần nữa lại chứng tỏ vai trò quan trọng toàn cầu của nó. Để khai thác hiệu quả tiềm năng môi trường biển mang lại, một trong những biện pháp cơ bản để bảo vệ môi trường biển là cần quy hoạch không gian biển (Marine Spatial Planning - MSP), phát triển "kinh tế biển xanh" hướng đến thực hiện ba mục tiêu: bền vững môi trường và hệ sinh thái biển; phát triển nhanh các ngành, lĩnh vực kinh tế biển, dựa vào biển hoặc có liên quan và tạo ra công bằng xã hội hoặc có tính bao trùm. Điều đó được hiểu là trong quá trình xây dựng quy hoạch quốc gia, phát triển "kinh tế biển xanh" phải coi các vùng biển, đại dương là "không gian phát triển", nơi quy hoạch không gian đòi hỏi sự tích hợp và hài hòa các vấn đề: bảo tồn, sử dụng bền vững, sản xuất năng lượng bền vững, vận tải biển,… đồng thời các vấn đề "công bằng" trong việc tiếp cận các nguồn tài nguyên và chia sẻ lợi ích đối với cộng đồng địa phương phải được xem xét.

Ở Việt Nam, Đại hội lần thứ VIII của Đảng (tháng 6/1996), lần đầu tiên Đảng bàn về phát triển toàn diện các lĩnh vực liên quan đến xây dựng Chiến lược quản lý biển, đảo, đặc biệt là

các giải pháp đẩy mạnh phát triển kinh tế biển gắn với bảo đảm quốc phòng - an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo. Ngày 22/9/1997, Bộ Chính trị khóa VIII ban hành Chỉ thị số 20-CT/TW về "Đẩy mạnh phát triển kinh tế biển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa". Đặc biệt, tại Đại hội lần thứ X (tháng 4/2006), Đảng ta khẳng định: "Phát triển mạnh kinh tế biển vừa toàn diện, vừa có trọng tâm, trọng điểm với những ngành có lợi thế so sánh để đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về kinh tế biển gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và hợp tác quốc tế". Để tiếp tục đẩy mạnh khai thác các tiềm năng lợi thế của các vùng biển Việt Nam cho phát triển kinh tế - xã hội, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 09/02/2007 về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 với mục tiêu tổng quát phấn đấu đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển, bảo đảm vững chắc quyền chủ quyền quốc gia trên biển, đảo, góp phần quan trọng vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Đây là chủ trương lớn, phù hợp với xu thế chung của thế giới và đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc giai đoạn đổi mới và hội nhập. Trên cơ sở tổng kết Nghị quyết số 09-NQ/TW, Hội nghị Trung ương 8 khóa XII đã thông qua Nghị quyết số 36-NQ/TW về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, tiếp tục khẳng định quyết tâm của Đảng và Nhà nước trong sự nghiệp phát triển bền vững, cùng với cộng đồng quốc tế thực hiện các mục tiêu thiên niên kỷ trong Chương trình nghị sự đến năm 2030 của Liên hợp quốc về phát triển bền vững, đặc biệt là mục tiêu số 14 (Bảo tồn và sử dụng bền vững các đại dương, biển và nguồn lợi biển để phát triển bền vững).

Đến Đại hội lần thứ XIII của Đảng (tháng 01/2021) đã xác định kinh tế biển là một trong những nhiệm vụ, giải pháp quan trọng để đưa Việt Nam đến năm 2030 là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao. Như vậy, có thể thấy quan điểm về phát triển kinh tế biển xanh đã được tiếp thu, xây dựng và hoàn thiện khá sớm ở Việt Nam và thể hiện khá rõ trong các văn kiện khác nhau nêu trên của Đảng và Nhà nước ta.

Trên cơ sở chủ trương, đường lối của Đảng, ngày 24/7/2020, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 22/NQ-CP về phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch không gian biển quốc gia. Theo đó, quy hoạch không gian biển là một cách thực tế để tổ chức không gian biển, và mối tương tác giữa các mục đích sử dụng của con người và giữa các mục đích sử dụng này với môi trường biển. Quy hoạch không gian biển cung cấp một quy trình cho các ngành, chính phủ và cộng đồng làm việc cùng nhau để lập kế hoạch tốt hơn cho việc sử dụng môi trường biển hiện tại và tương lai, đồng thời duy trì các hệ sinh thái biển lành mạnh. Nó cũng có thể được sử dụng để hỗ trợ tăng trưởng bền vững của nền kinh tế xanh của Việt Nam và lập kế hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu.

Vậy quy hoạch không gian biển là gì? Nội dung và lợi ích của hoạt động quy hoạch không gian biển quốc gia? Những câu hỏi đó sẽ được phân tích sâu sắc trong cuốn sách ***Quy hoạch không gian biển - Mục tiêu phát triển kinh tế biển xanh, bền vững (Mô hình bờ Tây Vịnh Bắc Bộ)*** do Thượng tướng, PGS.TS. Nguyễn Văn Thành, GS. Fredmund Malik và TS. Nam Nguyễn biên soạn.

Nội dung cuốn sách gồm 4 phần, giới thiệu đến bạn đọc những vấn đề lý luận chung nhất về Quy hoạch không gian biển (nội hàm khái niệm, vai trò, mục đích, cách thức...); phân tích một số phương pháp cơ bản trong đánh giá, quy hoạch không gian biển; những kinh nghiệm của một số quốc gia; đánh giá mô hình quy hoạch không gian biển bờ Tây Vịnh Bắc Bộ (Hải Phòng - Quảng Ninh...) và một số đề xuất.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 9 năm 2022

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

ĐẶT VẤN ĐỀ

Biển và đại dương chiếm 71% diện tích bề mặt trái đất, giữ vai trò cực kỳ quan trọng cho sự phát triển của loài người ở quá khứ, hiện tại và tương lai vì *"Chúng ta chỉ có chung một đại dương, một bầu khí quyển và một tương lai"*[1].

Biển và đại dương là cội nguồn bảo đảm sự sống của trái đất chúng ta và là nơi dự trữ cuối cùng của loài người về lương thực, thực phẩm và các nguồn nguyên, nhiên liệu. Tuy nhiên, biển và đại dương đang đứng trước những thách thức toàn cầu bởi tác động của con người như: biến đổi khí hậu, nước biển dâng, biến đổi đại dương, an ninh lương thực, khan hiếm tài nguyên, năng lượng bền vững, ô nhiễm, suy thoái môi trường sinh thái và tốc độ đô thị hóa các khu vực ven biển cùng những thách thức từ nguy cơ của an ninh phi truyền thống khác trong việc cạnh tranh ngày càng gay gắt đối với các nguồn lợi do biển đem lại. Vì vậy, thế kỷ XXI được xem là *"Thế kỷ của Đại dương"* - một không gian sinh tồn của loài người và các quốc gia không chỉ về mặt phát triển kinh tế - xã hội biển mà còn về mặt bảo đảm an ninh biển, đảo và tăng cường sức mạnh quốc phòng, an ninh. Đây là yêu cầu khách quan của thời đại được Đảng và Nhà nước Việt Nam tiếp

1. Chủ đề của Ngày Đại dương thế giới năm 2009.

nhận và đưa vào Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Thế giới hiện nay có 151 quốc gia ven biển, trong đó có hơn 380 điểm đòi hỏi có sự phân chia biên giới trên biển giữa các nước láng giềng có bờ biển gần nhau hoặc đối diện nhau, trong khi mới giải quyết được khoảng 1/3. Vùng biển gần, với diện tích 109 triệu kilômét vuông - chiếm khoảng 30% diện tích biển toàn cầu - đã bị các nước ven biển xác định là khu vực trực thuộc quản lý dưới hình thức vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lý. Nhiều nước ven biển đã xem xét lại chính sách biển của mình, chế định khai thác biển mới, việc khai thác biển có xu thế toàn cầu hoá. Khoa học kỹ thuật cao về hải dương sẽ trở thành trung tâm trong cạnh tranh khai thác biển. Nhiều nước đang tích cực phát triển kỹ thuật cao về hải dương, thúc đẩy các ngành kỹ thuật cao về biển phát triển như kỹ thuật sinh học biển, ngành dược liệu biển. Một số nước phát triển đã phát triển tới hơn 20 ngành về biển, trở thành lĩnh vực kinh tế mới.

Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS 1982) chính thức có hiệu lực từ năm 1994, đánh dấu sự hình thành một khuôn khổ pháp lý quốc tế toàn diện điều chỉnh quyền và nghĩa vụ của tất cả các quốc gia trong sử dụng biển, quản lý các nguồn tài nguyên biển và bảo tồn các nguồn tài nguyên này cho thế hệ mai sau. Theo Công ước, 36% diện tích biển trên trái đất và đại bộ phận tài nguyên biển được đưa vào phạm vi quản lý của các nước ven biển, tạo cơ hội lớn, đồng thời cũng tạo ra thách thức không nhỏ cho những nước ven biển. Một mặt, Công ước có tác dụng rất tích cực trong thiết lập và ổn định trật tự trên biển, thúc đẩy phát triển kinh tế biển, tăng cường công tác quản lý biển. Mặt khác, Công ước cũng đặt ra thách thức đối với công tác quản lý biển của các quốc gia: (1) *Mâu thuẫn phân chia vùng biển hết sức phức tạp,* đặc biệt đối với khu vực biển kín và nửa kín, mâu thuẫn

trong phân chia, nhất là phân chia biên giới biển do vấn đề Vùng đặc quyền kinh tế (EEZ) ngày càng nổi cộm và gay gắt. (2) *Tranh chấp các đảo trên biển ngày càng gay gắt hơn* do Công ước quy định "đảo không người có vùng biển đặc quyền kinh tế rộng 1.550km^2", còn những đảo có người ở đủ điều kiện duy trì sinh tồn của con người sẽ được phép quản lý vùng đặc quyền kinh tế xung quanh đảo rộng khoảng 420.000km^2. Điều này đã hối thúc các nước tăng cường chiếm hữu các đảo nhằm tăng cường tối đa quản lý vùng biển và khai thác tài nguyên. (3) *Sự chiếm hữu không gian biển và tranh giành tài nguyên ngày càng quyết liệt.* Chiếm hữu không gian biển đồng nghĩa với kiểm soát tài nguyên biển. Trước và sau khi Công ước có hiệu lực, các nước đã ra sức mở rộng phạm vi quản lý, khai thác tài nguyên biển. Tài nguyên sinh vật và phi sinh vật trước đây ở nhiều vùng biển quốc tế nay bị đưa vào phạm vi quản lý của các quốc gia. Sự mở rộng không ngừng phạm vi quản lý quốc gia gây ra tình trạng chồng lấn và làm mất đi quyền lợi đánh cá truyền thống ở vùng biển quốc tế, các vụ bắt giữ ngư dân thường xuyên xảy ra. (4) *Các vụ việc bất ngờ trên biển không ngừng gia tăng.* Do quy định liên quan đến hoạt động khu vực đặc quyền kinh tế vốn trước đây là vùng biển quốc tế rất không rõ ràng, khiến cho mâu thuẫn về quản lý trên biển ngày càng phức tạp, đặc biệt là những hoạt động trong vùng đặc quyền kinh tế như quyền triển khai điều tra hải dương học quân sự, trục vớt tàu đắm, sử dụng kỹ thuật công nghệ cao để đo đạc khảo sát biển... đã trở thành tiêu điểm tranh chấp mới giữa các nước có liên quan. (5) *Quy định liên quan đến hợp tác khu vực nêu trong Công ước về con đường và biện pháp giải quyết mâu thuẫn và xung đột trên biển,* đặc biệt là những mâu thuẫn như chủ quyền hải đảo, phân định biên giới biển, khai thác tài nguyên, nghiên cứu khoa học hải dương... khó có thể

giải quyết được đối với khu vực biển kín và nửa kín, đưa ra những giải pháp mang tính khả thi đáng quan tâm.

Tóm lại, Công ước khi có hiệu lực đã có tác động lớn đến các quốc gia khu vực biển, nảy sinh ảnh hưởng khó lường đối với chiến lược phát triển biển của các nước liên quan. Mỗi nước có chính sách, chiến lược riêng trong quản lý và khai thác tài nguyên biển.

Trong những năm gần đây, quy hoạch không gian biển đã trở thành vấn đề nhận được sự quan tâm đáng kể trên toàn thế giới, đặc biệt là việc quy hoạch không gian biển ở những khu vực biển đã được khai thác. Quy hoạch không gian biển góp phần tạo ra một khuôn khổ hoạt động cho các quốc gia tham gia nhằm duy trì giá trị đa dạng sinh học biển đồng thời với việc sử dụng bền vững tiềm năng kinh tế của các vùng biển thuộc các quốc gia này. Về cơ bản, quy hoạch không gian biển là một cách tiếp cận có thể hiện thực hóa những tác nhân chính của việc quản lý đại dương trên nền tảng sinh thái học.

Mặc dù đã có rất nhiều nỗ lực được thực hiện nhằm xác định phạm vi nội hàm và bản chất của quy hoạch không gian biển, nhưng lại có tương đối ít những thông tin được đưa ra về cách thức áp dụng quy hoạch không gian biển vào công tác quản lý biển, đảo, đại dương. Trên cơ sở đó, cuốn sách *Quy hoạch không gian biển - Mục tiêu phát triển kinh tế biển xanh, bền vững (Mô hình bờ Tây Vịnh Bắc Bộ)* nhằm mục đích giải đáp những câu hỏi về việc làm thế nào để quy hoạch không gian biển hoạt động theo hướng tăng trưởng xanh, phát triển bền vững với tư duy đổi mới, sáng tạo.

Tháng 9 năm 2022

Thượng tướng, PGS.TS. NGUYỄN VĂN THÀNH

PHẦN I

QUY HOẠCH KHÔNG GIAN BIỂN - TỪ NHẬN THỨC LÝ LUẬN ĐẾN THỰC TIỄN

I- QUY HOẠCH KHÔNG GIAN BIỂN

1. Đối tượng, mục tiêu hướng tới của quy hoạch không gian biển

Quy hoạch không gian biển là mục tiêu mà các chuyên gia có trách nhiệm lập quy hoạch, kế hoạch và quản lý các khu vực biển cũng như các tài nguyên của các vùng biển được nghiên cứu. Quy hoạch này đặc biệt nhằm mục tiêu vào những trường hợp mà ở đó thời gian, tài chính, thông tin và các nguồn lực khác bị hạn chế. Nếu bạn gặp một hoặc nhiều vấn đề được liệt kê ở Hộp thông tin 2 thì Hướng dẫn này có thể là những gì bạn cần để bắt đầu công việc của mình.

Quy hoạch không gian biển cung cấp một cái nhìn tổng quan, toàn diện, tập trung mô tả trình tự hợp lý các bước cần thiết để đạt được mục đích và mục tiêu được đặt ra đối với mỗi khu vực biển. Hướng dẫn không tập trung vào các chi tiết kỹ thuật của bất kỳ bước đi nào trong số các bước được đưa ra, ví dụ như không nhằm hướng tới trở thành hướng dẫn về phát triển hệ thống thông tin địa lý biển hoặc triển khai hệ thống giám sát hoạt động trên biển. Các tài liệu tham khảo, cẩm nang, trang web sẽ được tham chiếu trong Hướng dẫn ngay khi sẵn sàng.

Quy hoạch không gian biển là một công cụ quan trọng đối với các chuyên gia ở các cấp độ quốc tế, khu vực, quốc gia, và địa phương, những người muốn tìm hiểu sâu hơn về tiềm năng của quy hoạch không gian biển với cách nhìn về một phương thức nhằm đạt được đa mục tiêu, bao gồm cả mục tiêu phát triển kinh tế và bảo vệ đa dạng sinh học bền vững.

Các mục tiêu quy hoạch và quản lý quy hoạch không gian biển: Dân số tăng nhanh và nhu cầu tiêu dùng thay đổi đã làm tăng nhu cầu về lương thực, năng lượng và thương mại từ các vùng biển. Do hạn chế về tài nguyên và không gian trên đất liền, tỷ trọng hàng hóa và dịch vụ ngày càng lớn đến từ các khu vực ven biển và biển. Xu hướng này sẽ tiếp tục và nhiều khả năng sẽ tăng tốc trong những thập kỷ tới. Triển vọng tương lai, đặc biệt đối với nuôi trồng thủy sản xa bờ, năng lượng xa bờ, vận tải hàng hải và du lịch, dự đoán việc sử dụng các khu vực biển ngày càng tăng trong những năm tới. Rất khó để đánh giá thấp giá trị của các đại dương đối với sự thịnh vượng kinh tế hiện tại và tương lai.

Hộp thông tin 1 - *Quy hoạch không gian biển cung cấp thông tin*:

□ Hiểu biết về quy hoạch không gian biển; những lợi ích và những kết quả có thể có được từ quy hoạch không gian biển.

□ Nhận thức sâu sắc về các bước đi và những nhiệm vụ có tính lôgíc trong việc thiết lập một quy hoạch không gian biển thành công.

□ Nhận thức về những quy hoạch không gian biển đạt hiệu quả và chưa đạt hiệu quả trên toàn thế giới.

Do tài nguyên biển bị hạn chế cả về không gian và quy mô, nên sự phát triển kinh tế đã và đang tàn phá đa dạng sinh học biển ở nhiều nơi. Về cơ bản, áp lực phát triển gia tăng

đối với môi trường biển đã dẫn đến hai loại xung đột: *Thứ nhất,* vô số các hoạt động của con người (hầu hết không có sự phối hợp giữa các thành phần kinh tế) đã dẫn đến những tổn thất, thiệt hại đáng kể và không thể phục hồi đối với sự đa dạng của sự sống ở các vùng biển và ven biển (xung đột môi trường sử dụng, ví dụ, mất môi trường sống). *Thứ hai,* không phải tất cả các mục đích sử dụng đều tương thích với nhau và đang tranh giành không gian đại dương hoặc có các tác động bất lợi cho nhau (xung đột về mục đích sử dụng, giữa vận chuyển và trang trại gió ngoài khơi).

Cung cấp một tầm nhìn và định hướng nhất quán không chỉ về những điều mong muốn mà còn cả những gì có thể thực hiện được ở các khu vực biển; bảo vệ thiên nhiên, có những yêu cầu riêng phải được tôn trọng nếu muốn đạt được mục tiêu phát triển con người bền vững lâu dài và nếu muốn tránh hoặc giảm thiểu suy thoái môi trường quy mô lớn.

Hộp thông tin 2 - *Danh mục xác định tính hữu ích của quy hoạch không gian biển:*

□ Bạn có (hoặc hy vọng) hoạt động của con người ảnh hưởng xấu tới các khu vực tự nhiên quan trọng trong khu vực biển của bạn không?

□ Bạn có (hoặc hy vọng) những hoạt động không tương thích của con người làm nảy sinh những xung đột trong khu vực biển của bạn không?

□ Bạn có cần hệ thống hóa các chính sách và thủ tục cấp phép cho những hoạt động ảnh hưởng đến môi trường biển không?

□ Bạn có phải quyết định không gian nào phù hợp nhất cho phát triển các hoạt động mới của con người như các cơ sở năng lượng tái tạo hoặc nuôi trồng thủy sản ngoài khơi?

□ Bạn có cần một tầm nhìn 10 - 20 - 30 năm hoặc lâu hơn về khu vực biển của bạn không?

Giảm sự chia cắt của các sinh cảnh biển (nghĩa là khi các hệ sinh thái bị chia cắt do các hoạt động của con người và do đó bị ngăn cản hoạt động bình thường); sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên biển, bao gồm cả không gian đại dương - đang ngày càng thiếu hụt. Những thứ có sẵn nên được sử dụng để sản xuất hàng hóa và dịch vụ một cách bền vững.

Thiết lập các ưu tiên để có thể thực hiện các bước thâm nhập đáng kể vào việc đáp ứng các mục tiêu phát triển của khu vực quản lý biển một cách công bằng, cần phải cung cấp cơ sở hợp lý để thiết lập các ưu tiên, đồng thời quản lý và hướng các nguồn lực đến địa điểm và thời gian là cần thiết nhất.

Tạo và kích thích cơ hội cho những người sử dụng mới các khu vực biển; phối hợp các hành động và đầu tư theo không gian và thời gian để bảo đảm các tác động tích cực từ các khoản đầu tư đó, cả công và tư, và tạo điều kiện bổ sung giữa các khu vực tài phán; tránh trùng lặp những nỗ lực của các cơ quan công quyền và các cấp chính quyền khác nhau trong các hoạt động quy hoạch không gian biển, bao gồm cả việc lập kế hoạch, giám sát, cấp phép.

Hướng tới đạt được chất lượng dịch vụ cao hơn ở tất cả các cấp chính quyền, ví dụ, cần bảo đảm việc cấp phép cho các hoạt động của con người trong những đề xuất phát triển là hợp lý và phù hợp với kế hoạch quản lý toàn diện không gian biển.

2. Sự cần thiết của tổ chức quy hoạch không gian biển

Hầu hết các chuyên gia chịu trách nhiệm lập kế hoạch và quản lý các khu vực biển và tài nguyên biển thường được đào tạo về khoa học kỹ thuật trong các lĩnh vực như sinh thái, sinh học, hải dương học hoặc kỹ thuật. Rất ít người được đào tạo để trở thành nhà hoạch định và quản lý chuyên nghiệp. Nhiều nhà quản lý hàng hải lại chọn cách "vừa học vừa làm" - một phương thức đôi khi hiệu quả, nhưng thường tốn kém.

Quy hoạch không gian biển cố gắng lấp đầy "khoảng trống" này bằng cách sử dụng cách tiếp cận từng bước để phát triển và thực hiện quy hoạch không gian biển; cung cấp những hiểu biết về các nhiệm vụ, kỹ năng và kiến thức chuyên môn mà bạn cần để phát triển và duy trì nỗ lực của mình. Hướng dẫn cũng đưa ra những thảo luận về các vấn đề như đạt được các nguồn tài chính hoặc liên kết các bên liên quan - những bước đi quan trọng nhưng thường bị bỏ qua trong quy trình quy hoạch không gian biển. Những viễn cảnh có thể xảy ra nếu chúng ta không làm gì và những gì có thể xảy ra nếu chúng ta quản lý không gian biển thành công sẽ được trình bày trong Hộp thông tin 3.

Quy hoạch không gian biển được xây dựng như thế nào; quy trình các bước được đề xuất dựa trên việc phân tích các sáng kiến ý tưởng về quy hoạch không gian biển thực tế từ khắp nơi trên thế giới. Công việc này cho phép tài liệu hóa và phân tích các bước có thể dẫn đến việc thực hiện thành công quy trình quy hoạch không gian biển.

Về mặt lịch sử, các phương pháp quản lý tập trung vào các lĩnh vực riêng lẻ mà ít xem xét đến các xung đột tiềm ẩn giữa các lĩnh vực. Trong thập niên qua, cách tiếp cận theo ngành

truyền thống đối với tài nguyên thiên nhiên và quản lý môi trường đã được thừa nhận là không đủ để giải quyết các tác động tích lũy những hoạt động của con người đối với môi trường biển và đã chuyển sang một "cách tiếp cận hệ sinh thái" tổng thể hơn nhằm phân tích toàn diện tất cả các khía cạnh của vấn đề môi trường.

Mặc dù được chấp nhận chung, nhưng cho đến nay phương pháp tiếp cận hệ sinh thái vẫn còn là một khái niệm, được thảo luận rộng rãi tại các cuộc họp khoa học, nhưng với rất ít ví dụ về thực hành thực tế. Ngày càng rõ ràng rằng các chính quyền thiếu các công cụ cụ thể để thực hiện một phương pháp tiếp cận hệ sinh thái trong môi trường biển. Một thách thức quan trọng hiện nay là đưa cách tiếp cận hệ sinh thái vượt ra ngoài mức khái niệm, và một cách thực tế để làm điều này là thông qua quy hoạch không gian biển.

Nhận thức về sự cần thiết của quy hoạch không gian biển:

(1) Quy hoạch không gian biển là một yếu tố quan trọng của quản lý sử dụng biển dựa vào hệ sinh thái.

(2) Quy hoạch không gian biển chỉ là một phần của hộp công cụ quản lý sử dụng biển dựa trên hệ sinh thái - các ứng dụng thực tế sẽ bao gồm sự kết hợp của các biện pháp kiểm soát bao gồm các biện pháp khuyến khích theo quy định và không theo quy định (ví dụ: kinh tế).

(3) Sự tham gia sớm và liên tục của các bên liên quan trong một quy trình quản lý rõ ràng là rất quan trọng để thành công và tạo ra niềm tin cũng như chủ sở hữu của quy trình.

(4) Giám sát và đánh giá là các yếu tố quan trọng của quá trình quy hoạch không gian biển.

(5) Đưa yếu tố con người vào quy hoạch không gian biển đòi hỏi sự đa dạng của các lĩnh vực/quan điểm giống như cách tiếp cận của hệ sinh thái so với môi trường lý sinh.

(6) Cần có dữ liệu chuyên sâu, rõ ràng về không gian, đặc điểm hệ sinh thái, mục đích sử dụng của con người và các khu vực tài phán ngoài khơi - những dữ liệu này không có sẵn cho hầu hết các khu vực biển và có thể tốn kém, mất thời gian để thu thập.

(7) Các nhà hoạch định khó có thể chấp nhận quy hoạch không gian biển cho đến khi các lợi ích của nó có thể được ghi nhận tích cực hơn.

Quản lý sử dụng biển hướng tới mục tiêu:

(1) Hoạt động hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, thay vì chỉ đơn thuần là xây dựng hoặc bảo vệ môi trường, và làm như vậy sẽ đóng góp vào các mục tiêu xã hội và chính phủ chung hơn.

(2) Cung cấp khung chiến lược, tích hợp và hướng tới tương lai cho tất cả các hoạt động sử dụng biển để giúp đạt được phát triển bền vững, có tính đến các mục tiêu và mục tiêu về môi trường cũng như xã hội và kinh tế.

(3) Áp dụng cách tiếp cận hệ sinh thái để điều tiết, quản lý phát triển và các hoạt động trong môi trường biển bằng cách bảo vệ các quá trình sinh thái và khả năng phục hồi tổng thể để bảo đảm môi trường có khả năng hỗ trợ các lợi ích kinh tế và xã hội, an ninh biển (bao gồm cả những lợi ích thu được trực tiếp từ hệ sinh thái).